UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 634 /QĐ-UBND	*Gia Lai, ngày 14 tháng 10 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3458/QĐ-BNN-TCLN ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 3424/SNNPTNT-CCKL ngày 25 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp, các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TT Tỉnh Ủy, TT HĐND tỉnh *(báo cáo)*;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT *(báo cáo)*;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NL.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Kpă Thuyên

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 634 /QĐ-UBND ngày 14 /10 /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Căn cứ Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 3458/QĐ-BNN-TCLN ngày 03/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030.

Nhằm triển khai thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là Chiến lược) với những nội dung cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu:

1. Mục đích:

Cụ thể hóa các nhiệm vụ, định hướng và giải pháp trong Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương; triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách cần ưu tiên thực hiện; xây dựng các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đồng bộ, kịp thời và thống nhất.

Triển khai các chương trình, đề án, dự án lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh có hiệu quả, đưa ngành lâm nghiệp Gia Lai trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật, chuyển dịch và tăng tốc độ phát triển kinh tế theo hướng "tăng trưởng xanh". Phát huy tiềm năng, vai trò và tác dụng của rừng để ngành lâm nghiệp đóng góp ngày càng quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, cải thiện sinh kế cho người dân làm nghề rừng, gắn với tiến trình xây dựng nông thôn mới, bảo đảm quốc phòng, an ninh trật tự, an toàn xã hội.

2. Yêu cầu:

Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phải đảm bảo đầy đủ nội dung, cụ thể hóa các định hướng và giải pháp của Chiến lược đến các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Cấp ủy, chính quyền các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan nhằm tạo đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai, thực hiện.

Trên cơ sở nội dung Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng đề án, dự án, kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ cụ thể, chi tiết. Việc triển khai công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phải được thực hiện liên tục và đồng bộ từ tỉnh, huyện, xã, thôn làng với sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị. Nâng cao trách

nhiệm của người đứng đầu chính quyền địa phương các cấp; các sở, ban, ngành, các đơn vị chủ rừng trong việc triển khai thực hiện Chiến lược. Đồng thời, góp phần triển khai thắng lợi Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 01/10/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Tỉnh ủy về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030.

Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án thực hiện Chiến lược đảm bảo hiệu quả.

II. Nhiệm vụ Kế hoạch thực hiện Chiến lược của tỉnh giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050:

1. Nhiệm vụ Kế hoạch thực hiện Chiến lược của tỉnh giai đoạn 2021-2030:

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp 10,91% (đến năm 2025); 12% (đến năm 2030).

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị, từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm lâm sản.

- Phân định ranh giới, tổ chức quản lý, bảo vệ toàn bộ diện tích rừng hiện có, đặc biệt là rừng tự nhiên. Đối với rừng phòng hộ, đặc dụng thiết lập lâm phần ổn định, tăng cường tính kết nối các hệ sinh thái có giá trị bảo tồn, phòng hộ môi trường. Đối với rừng sản xuất rà soát, điều chỉnh theo hướng phát huy lợi thế về điều kiện đất đai, khí hậu và tài nguyên rừng; xây dựng vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến và phát triển hệ thống rừng trồng gỗ lớn có năng suất và chất lượng cao.

- Đẩy mạnh công tác giao khoán bảo vệ rừng cho các hộ gia đình, cộng đồng trên địa bàn tỉnh đảm bảo đạt 145.000 ha/năm.

- Thực hiện giao đất, giao rừng, cho thuê đất, cho thuê rừng đối với diện tích 219.246 ha rừng và đất lâm nghiệp hiện do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý. Nghiên cứu xây dựng phương án và chi phí cho thuê rừng tự nhiên, rừng phòng hộ để phát triển thâm canh dược liệu dưới tán rừng, gia tăng nguồn thu cho tỉnh. Đến năm 2030, đảm bảo 100% diện tích rừng có chủ quản lý thực sự theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

- Nâng tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2025 đạt 47,75%; đến năm 2030 đạt 49,2% (bao gồm cả cây công nghiệp thân gỗ, cây trồng đa mục đích). Tập trung nâng cao năng suất và chất lượng rừng trồng. Phấn đấu đưa năng suất rừng trồng thâm canh giống mới trung bình 15m^3/ha/năm vào năm 2025 và 20m^3/ha/năm vào 2030.

- Công tác trồng rừng đến năm 2025 đạt 40.000 ha, trong đó ít nhất 10.000 ha rừng gỗ lớn, chuyển hóa 15.000 ha rừng gỗ nhỏ thành rừng gỗ lớn. Đến năm 2030, tiếp tục trồng rừng mới và trồng rừng luân canh 40.000 ha trong đó ít nhất 15.000 ha rừng gỗ lớn, tiếp tục chuyển hóa 15.000 ha rừng gỗ nhỏ thành rừng gỗ lớn.

- Thực hiện Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh của Thủ tướng Chính phủ theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 31/12/2020; Nghị quyết số 178/NQ-CP ngày 12/12/2020 về Phiên họp thường kỳ của Chính phủ tháng 11/2020; Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025"; Kế hoạch số 2525/KH-UBND ngày 12/8/2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án "Trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025" trên địa bàn tỉnh

Gia Lai. Đến hết năm 2025 toàn tỉnh trồng 40 triệu cây xanh, trong đó: hoàn thành nhiệm vụ trồng mới thành công 8 triệu cây xanh phân tán, tương đương 8.000 ha *(bình quân 1,6 triệu cây xanh/năm)* và trồng 32.000 ha rừng trồng tập trung, tương đương 32 triệu cây xanh (bình quân 6.400 ha/năm, tương đương 6,4 triệu cây xanh) trong rừng phòng hộ, sản xuất trên địa bàn tỉnh.

- Khoanh nuôi tái sinh rừng đến năm 2030 đạt 24.000 lượt ha, bình quân 2.400 lượt ha/năm, cụ thể: giai đoạn 2021- 2025 đạt 9.000 lượt ha (khoanh nuôi mới 3.000 ha, chuyển tiếp 6.000 lượt ha); giai đoạn 2026 - 2030 đạt 15.000 lượt ha (khoanh nuôi mới 2.000 ha, chuyển tiếp 13.000 lượt ha).

- Nuôi dưỡng rừng và làm giàu rừng giai đoạn 2021-2030: 40.000 ha.

- Đầu tư, đẩy mạnh việc triển khai sản xuất nông, lâm nghiệp dưới tán rừng, trong đó chú trọng việc bảo tồn và phát triển cây dược liệu, phấn đấu đến năm 2025 trồng tối thiểu được 6.500 ha dược liệu dưới tán rừng, đến năm 2030 trồng tối thiểu được 11.300 ha dược liệu dưới tán rừng.

- Phát triển lâm sản ngoài gỗ: Thực hiện chuyển đổi dần cơ cấu cây trồng ở diện tích sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp của các hộ dân sang phát triển lâm nghiệp. Phát triển một số cây đặc sản như Bời lời trên địa bàn tỉnh lên khoảng 20.000 ha, tập trung vào các huyện Mang Yang, Đak Đoa, Chư Păh…; cây Mắc ca 5.000 ha, tập trung chủ yếu huyện Kbang; cây Giổi lấy hạt và lấy gỗ 5.000 ha và một số cây đặc sản khác.

- Khai thác lâm sản trong rừng trồng: Đến năm 2025, sản lượng khai thác đạt trên 1.000.000m^3, bình quân 150.000m^3 đến 300.000m^3/năm; đạt trên 1.800.000m^3 trong giai đoạn 2025-2030.

- Khai thác nhựa Thông: Tổ chức khai thác nhựa Thông 3 lá tại các Ban quản lý rừng phòng hộ, giai đoạn 2021-2025 diện tích khai thác khoảng 5.000ha/năm; đến năm 2030 phát triển diện tích khai thác lên 7.000ha.

- Đến năm 2025, 100% diện tích rừng của các chủ rừng là tổ chức phải được quản lý bền vững, đảm bảo hài hòa các mục tiêu về môi trường, xã hội, kinh tế; cấp chứng chỉ rừng 30.000 ha. Đến năm 2030, diện tích được cấp chứng chỉ rừng quản lý rừng bền vững đạt 80.000 ha.

- Bố trí hợp lý các nhà máy chế biến gỗ: Đến năm 2025 công suất chế biến đạt 450.000m^3/năm; năm 2030 công suất chế biến đạt 750.000 m^3/năm, trong đó: Sản xuất ván nhân tạo 200.000m^3/năm vào năm 2025 và 350.000m^3/năm vào năm 2030; sản xuất đồ gỗ nội địa đạt 150.000m^3 sản phẩm vào năm 2025 và 250.000m^3 sản phẩm vào năm 2030; đồ gỗ xuất khẩu đạt 100.000 m^3 sản phẩm vào năm 2025 và 150.000m^3 sản phẩm vào năm 2030.

- Phát triển thị trường ngành gỗ: Từng bước xây dựng, hình thành mô hình "Chợ Lâm sản Quốc tế" thí điểm tại Gia Lai, có thể kết nối trực tuyến và trực tiếp với thị trường toàn cầu, được đấu nối tại Khu Lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Gia Lai.

- Phấn đấu đưa kim ngạch xuất khẩu gỗ và lâm sản của tỉnh đến năm 2025 đạt tối thiểu 100 triệu USD, đến năm 2030 đạt khoảng 250 triệu USD.

- Góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, đến năm 2025 giá trị thu nhập của người dân làm nghề rừng tăng 2 lần và đến năm 2030 tăng 2-3 lần trên cùng một đơn vị diện tích so với năm 2020.

2. Tầm nhìn đến năm 2050:

Đến năm 2050, ngành lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh thực sự trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao; phát huy hiệu quả tiềm năng và lợi thế của tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh; ứng dụng công nghệ hiện đại và thân thiện môi trường; tạo ra nhiều sản phẩm và dịch vụ đa dạng, giá trị gia tăng cao; đóng góp ngày càng nhiều cho sự phát triển bền vững đất nước.

Về kinh tế: Phát triển lâm nghiệp bền vững, hội nhập quốc tế, phát huy hiệu quả tiềm năng và lợi thế của tài nguyên rừng, phấn đấu trở thành một trong những tỉnh sản xuất, chế biến và thương mại lâm sản của cả nước với công nghệ hiện đại; đóng góp ngày càng tăng vào phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Về xã hội: Góp phần quan trọng vào xây dựng tỉnh Gia Lai an toàn và thịnh vượng; nông thôn mới giàu, đẹp và văn minh trên cơ sở cải thiện sinh kế, phát triển kinh tế xanh gắn với tài nguyên rừng, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống và không gian sống của đồng bào các dân tộc thiểu số; bảo đảm giữ vững quốc phòng, an ninh.

Về môi trường: Quản lý rừng bền vững, bảo tồn lâu dài tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học; bảo đảm an ninh môi trường, an ninh nguồn nước, chống suy thoái đất đai, giảm thiểu tác động tiêu cực của thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

III. Giải pháp triển khai thực hiện:

1. Tổ chức, triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách do Trung ương ban hành:

Thúc đẩy xã hội hóa nghề rừng, thu hút đầu tư vào lâm nghiệp, quản lý rừng tự nhiên, phát triển lâm nghiệp cộng đồng, dịch vụ môi trường rừng; khuyến khích đổi mới, sáng tạo và ứng dụng khoa học công nghệ, chế biến sâu, phát triển sản phẩm, thương hiệu và thị trường.

Lồng ghép các chương trình, dự án nhằm huy động đa dạng các nguồn lực cho phát triển lâm nghiệp nói chung và phát triển lâm nghiệp gắn với giảm nghèo bền vững ở các vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều rừng.

Xây dựng triển khai hiệu quả các chương trình dự án, đề án, kế hoạch phát triển lâm nghiệp.

Thu hút đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào bảo vệ rừng và phát triển rừng, nhất là rừng tự nhiên, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên theo hướng hưởng lợi trực tiếp từ rừng; phát triển nông lâm kết hợp và lâm sản ngoài gỗ, dịch vụ môi trường rừng để tạo nguồn thu nhập ổn định, bền vững từ rừng, đảm bảo tái đầu tư cho ngành lâm nghiệp, giảm tỷ trọng đầu tư từ ngân sách nhà nước.

Quản lý chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên, kết hợp hài hòa giữa quản lý, bảo vệ với khai thác các giá trị kinh tế của rừng tự nhiên để góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội các địa phương có rừng trong tỉnh.

2. Tuyên truyền nâng cao nhận thức:

Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và các doanh nghiệp về các giá trị kinh tế, xã hội, môi trường, bảo vệ quốc phòng, an ninh của rừng; vai trò, tầm quan trọng của rừng đối với bảo tồn đa dạng sinh học, giá trị cung ứng dịch vụ môi trường rừng, tăng trưởng xanh và sự phát triển bền vững của đất nước. Tăng cường truyền thông với nội dung phong phú và hình thức đa dạng, phát huy truyền thông

hiện đại và mạng xã hội tạo sự thay đổi về nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng; chú ý yếu tố văn hóa, dân tộc thiểu số trong công tác tuyên truyền; nâng cao nhận thức của chính quyền các cấp, đặc biệt là chính quyền cơ sở và các ngành về trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng; tuân thủ các quy định của pháp luật và các tiêu chuẩn, cam kết về bảo vệ rừng và phát triển lâm nghiệp.

Tăng cường giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao ý thức bảo vệ rừng của người dân; vận động các hộ gia đình sống trong và gần rừng ký cam kết bảo vệ rừng; xây dựng và thực hiện các quy ước bảo vệ rừng; thay đổi nhận thức, tập quán kinh doanh, sản xuất lâm nghiệp quảng canh sang thâm canh; phát triển nông lâm kết hợp, kết hợp sản xuất gỗ nhỏ và gỗ lớn, lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ môi trường rừng.

3. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ:

Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác quản lý, bảo vệ rừng, ưu tiên các nghiên cứu cải thiện giống cây trồng và thâm canh rừng, khảo nghiệm mở rộng các giống tiến bộ kỹ thuật, giống nhập nội, giống chất lượng cao phục vụ trồng rừng gỗ lớn, công nghệ chế biến; rà soát, đánh giá cụ thể bố trí cây trồng nông nghiệp, công nghiệp và lâm nghiệp, cơ cấu cây trồng rừng hợp lý nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường phát triển ứng dụng công nghệ viễn thám (GIS) trong quản lý và cập nhật theo dõi diễn biến tài nguyên rừng tại các địa phương vào cơ sở dữ liệu cấp quốc gia để phục vụ cho hoạt động giám sát, đồng thời có những giải pháp bảo vệ và phát triển rừng kịp thời để khắc phục những biến động tài nguyên rừng có liên quan. Ứng dụng phần mềm phát hiện sớm mất rừng, cháy rừng để có giải pháp quản lý phù hợp và phát hiện, chữa cháy rừng kịp thời khi có cháy rừng xảy ra.

4. Đào tạo nguồn nhân lực:

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý ngành lâm nghiệp chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả. Chú trọng đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ về một số lĩnh vực quan trọng như giống, lâm sinh, công nghệ chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ, quản lý lâm nghiệp, lâm nghiệp xã hội, bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu....

Khuyến khích, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và các tổ chức đào tạo thực hiện hợp tác và hỗ trợ trong đào tạo, nâng cao kỹ năng cho lao động của doanh nghiệp. Mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao công nghệ mới, chuyển giao kỹ thuật và quy trình sản xuất mới cho các hộ nông dân; các làng nghề, các vùng sản xuất chuyên canh.

5. Xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đồng bộ, hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và dịch vụ logistics:

Tổ chức các vùng sản xuất lâm nghiệp tập trung nhằm tạo điều kiện cho việc áp dụng cơ giới hóa, kết nối với khu chế biến lâm sản và dịch vụ thương mại.

Xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp, cải tạo kết cấu hạ tầng phục vụ cho bảo vệ và phát triển rừng; thực hiện hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống đường lâm nghiệp gắn kết vùng nguyên liệu quy mô, tập trung với nhà máy chế biến, giảm chi phí vận chuyển, tăng giá trị sản phẩm gỗ, tạo điều kiện thuận lợi để áp dụng cơ giới hóa cho công tác trồng, chăm sóc và khai thác rừng trồng, góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế từ trồng rừng. Đến năm 2030, tỷ lệ cơ giới hóa trong các khâu làm đất, giống, trồng cây, chăm sóc, phòng

trừ sâu bệnh, phòng chống cháy rừng, khai thác vận chuyển gỗ và lâm sản đạt ít nhất 30%.

Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến gỗ và lâm sản, sử dụng phế, phụ phẩm từ chế biến gỗ, sản xuất keo dán gỗ và phụ kiện cho công nghiệp chế biến gỗ.

Ưu tiên, tăng cường nâng cao năng lực, cơ sở vật chất theo dõi, giám sát tài nguyên rừng; trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng.

Triển khai đầu tư xây dựng Khu Lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh, nhằm thúc đẩy phát triển ngành lâm nghiệp theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao trong chuỗi giá trị ngành lâm nghiệp.

Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, sử dụng thiết bị lâm nghiệp sản xuất trong nước thông qua hệ thống khuyến lâm, khuyến công, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ.

6. Kiện toàn, đổi mới tổ chức sản xuất kinh doanh:

Tiếp tục thực hiện sắp xếp, đổi mới 11 Công ty TNHH MTV lâm nghiệp đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý bảo vệ rừng. Hoàn chỉnh phương án tổ chức quản lý diện tích rừng sản xuất đã được chuyển sang rừng đặc dụng ở 02 Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đăk Roong và Trạm Lập.

Sắp xếp lại các Ban quản lý rừng phòng hộ theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Chương trình số 64-CTr/TU ngày 05/6/2018 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (hoàn chỉnh phương án tổ chức quản lý diện tích rừng sản xuất đã được chuyển sang rừng đặc dụng ở 02 Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đăk Roong và Trạm Lập).

Tổ chức sản xuất theo chuỗi sản phẩm từ trồng rừng, thu mua nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; hình thành các doanh nghiệp quy mô vừa và lớn ở từng vùng kinh tế; lấy các doanh nghiệp mạnh hiện có làm trung tâm liên kết chuỗi sản xuất đối với mỗi sản phẩm chủ lực, nhất là sản phẩm xuất khẩu.

Khuyến khích hình thành hiệp hội ngành hàng, chuyển giao một số chức năng dịch vụ công của nhà nước cho các hiệp hội (xúc tiến thương mại, khuyến lâm, dự báo thị trường, tiêu chuẩn chất lượng, xử lý tranh chấp,...).

Xây dựng, nhân rộng các mô hình hợp tác trong lâm nghiệp; thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi về thể chế để nông dân, hộ gia đình góp cùng doanh nghiệp tổ chức sản xuất lâm nghiệp; triển khai thí điểm mô hình hoặc lựa chọn 01 công ty TNHH MTV lâm nghiệp hỗ trợ thực hiện liên doanh, liên kết với người dân, gắn phát triển nguyên liệu với chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ; phát triển lâm nghiệp hộ gia đình, trang trại, cộng đồng thôn làng và hợp tác xã; chuyển đổi cơ cấu cây trồng; phát triển nông lâm kết hợp; ưu tiên hộ nghèo, dân tộc thiểu số tham gia các hoạt động lâm nghiệp để tăng thu nhập.

7. Tổ chức và quản lý ngành:

Rà soát, cân đối nhu cầu lực lượng kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, đảm bảo đủ kiểm lâm viên địa bàn phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng tại cơ sở; củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên

trách của chủ rừng, tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, truy quét, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật các hành vi xâm hại tài nguyên rừng (nhất là tại các khu vực giáp ranh giữa các xã, các huyện thuộc tỉnh và với các tỉnh bạn, khu vực biên giới giáp Campuchia).

Các đơn vị chủ rừng nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ diện tích rừng được giao; triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo vệ rừng tại gốc; có kế hoạch thường xuyên, đột xuất tuần tra, kiểm soát nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các vụ việc vi phạm trên lâm phần quản lý.

Nâng cao hiệu quả điều hành, vai trò, trách nhiệm kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng của các cấp chính quyền địa phương, lực lượng kiểm lâm và bảo vệ rừng cơ sở.

Tăng cường đầu tư phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, cơ sở vật chất, đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn về bảo vệ rừng cho lực lượng tham gia bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

Đổi mới phương thức quản lý sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm để người sản xuất, kinh doanh tự chủ động trong việc kiểm soát chất lượng sản phẩm của mình trước khi đưa ra thị trường.

Xã hội hóa các dịch vụ công về lâm nghiệp nhằm giảm áp lực về biên chế, ngân sách nhà nước.

Các đơn vị chủ rừng xây dựng kế hoạch chi tiết về phát triển du lịch sinh thái, nghĩ dưỡng, giải trí phù hợp với tiềm năng của rừng theo đúng quy định của Nhà nước về hoạt động quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng.

8. Hợp tác quốc tế và xúc tiến thương mại:

Thực hiện tốt các cam kết, hợp tác quốc tế, đặc biệt là với Vương quốc Campuchia trong công tác bảo vệ rừng, chống buôn bán gỗ bất hợp pháp, động vật hoang dã; đẩy mạnh hội nhập trên các lĩnh vực như phát triển vùng nguyên liệu, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, chế biến, xuất khẩu lâm sản, quản lý rừng bền vững.

Tăng cường xúc tiến đầu tư, thu hút các thành phần kinh tế, đặc biệt là của doanh nghiệp vào phát triển lâm nghiệp của tỉnh. Hợp tác, liên kết với các tỉnh trong công tác phát triển vùng nguyên liệu, tiêu thụ sản phẩm, thực hiện đổi mới trong quản lý lưu thông hàng hoá lâm sản đảm bảo nguồn gốc hợp pháp, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia thị trường, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh và đảm bảo hài hòa lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng; tạo động lực thị trường, thúc đẩy sản xuất lâm nghiệp trong tỉnh phát triển.

9. Huy động nguồn vốn:

Thực hiện xã hội hóa, đa dạng hóa trong huy động các nguồn vốn để triển khai thực hiện Kế hoạch, bảo đảm bố trí vốn đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu vốn đã được quy định; tăng cường huy động vốn từ ngân sách địa phương, đẩy mạnh vốn xã hội hóa và các nguồn huy động đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn ODA; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

10. Tổ chức giám sát và đánh giá:

Xây dựng, triển khai kế hoạch và giám sát ngành lâm nghiệp trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, đồng bộ phục vụ công tác quản lý, quy hoạch và phát triển sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp, cung ứng dịch vụ môi trường rừng. Tổ chức thực hiện giám sát và đánh giá các chương trình, dự án, đề án thực hiện chiến lược đảm bảo hiệu quả, thường xuyên, định kỳ.

IV. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện và hướng dẫn các địa phương, tổ chức, cá nhân thực hiện; kiểm tra, giám sát và định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch.

Triển khai có hiệu quả các dự án bảo vệ và phát triển rừng trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 của tỉnh; phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

Tổ chức quản lý, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Gia Lai để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời điều chỉnh kế hoạch và đề ra các giải pháp đảm bảo thực hiện có hiệu quả.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, phân bổ nguồn lực, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính hướng dẫn kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân thực hiện Kế hoạch.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển theo kế hoạch trung hạn và hằng năm để triển khai các dự án của kế hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công.

Đưa các dự án bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Gia Lai vào danh mục ưu tiên được cân đối vốn đầu tư cho phục hồi bền vững rừng.

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo xây dựng kế hoạch của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổng hợp, thống nhất kế hoạch hàng năm đưa vào kế hoạch 3 năm và 5 năm; bố trí nguồn lực phù hợp để thực hiện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Sở Tài chính:

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán cho năm sau, căn cứ khả năng ngân sách tỉnh và dự toán của các đơn vị có liên quan, Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tiến hành giao đất gắn với giao rừng cho các tổ chức, cộng đồng, cá nhân, hộ gia đình theo kế hoạch được phê duyệt.

Hướng dẫn các địa phương rà soát, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiểm tra, thu hồi đất lâm nghiệp sử dụng trái phép; kiên quyết chấm dứt tình trạng sang nhượng đất rừng trái pháp luật.

5. Sở Công Thương:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các chính sách, giải pháp thúc đẩy thị trường, xúc tiến thương mại, tạo điều kiện mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định về trồng rừng thay thế, kiên quyết thu hồi giấy phép, dừng hoạt động đối với dự án thuộc ngành Công Thương không chấp hành trồng rừng thay thế và chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Theo dõi chặt chẽ việc nhập khẩu lâm sản nguyên liệu phục vụ cho chế biến, xuất khẩu sản phẩm từ gỗ và lâm sản ngoài gỗ trên địa bàn.

6. Sở Khoa học và Công nghệ:

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đặt hàng triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ cho việc phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

7. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan triển khai huy động đúng, đủ nguồn thu dịch vụ môi trường rừng theo quy định; chi trả kịp thời, đóng góp tích cực, hiệu quả trong công tác bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý và phát triển bền vững du lịch sinh thái gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, có sự tham gia của cộng đồng.

9. Sở Thông tin và Truyền thông:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị, địa phương chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí và hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền các nội dung của Kế hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Đăng tải nội dung các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh hướng dẫn triển khai thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh trên trang thông tin điện tử của Sở.

10. Ban Dân tộc tỉnh:

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức, chỉ đạo thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, triển khai thực hiện các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng; triển khai thực hiện có hiệu quả Tiểu dự án 1, Dự án 3 *"Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị"* thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

11. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Gia Lai:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức công tác tuyên truyền, xây dựng và phát các bản tin, phóng sự, chương trình phát thanh, truyền hình chuyên đề về công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng; thông tin kịp thời và đầy đủ bản tin dự báo nguy cơ cháy rừng và các vụ cháy rừng trên địa bàn tỉnh đến người dân.

12. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Gia Lai:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức công tác tuyên truyền, xây dựng và phát các bản tin, phóng sự, chương trình phát thanh, truyền hình chuyên đề về công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng; thông tin kịp thời và đầy đủ bản tin dự báo nguy cơ cháy rừng và các vụ cháy rừng trên địa bàn tỉnh đến người dân.

Thường xuyên tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đồng bào dân tộc thiểu số, các cấp chính quyền địa phương tích cực tham gia bảo vệ rừng, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

13. Các sở, ngành, đơn vị khác có liên quan:

Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan trong hệ thống vào cuộc mạnh mẽ, hỗ trợ các sở, ngành, cơ quan chức năng và chính quyền địa phương trong phòng ngừa đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

Các sở, ban, ngành, đơn vị khác có liên quan theo chức năng nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện; tham gia kiểm tra, giám sát và đôn đốc thực hiện Kế hoạch.

14. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Tổ chức thực hiện Kế hoạch; rà soát, xây dựng các dự án và kế hoạch thực hiện, nhu cầu vốn hàng năm gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Rà soát, hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kiểm tra, thu hồi đất lâm nghiệp sử dụng trái pháp luật, không thực hiện đúng quy định; xử lý nghiêm tình trạng hợp thức hóa đất phá rừng, sang nhượng trái pháp luật.

Giải quyết kịp thời tình trạng di dân tự do, tranh chấp, lấn chiếm đất lâm nghiệp, không để tạo ra "điểm nóng" và khiếu kiện đông người.

Triển khai thực hiện có hiệu quả việc giao đất, giao rừng cho hộ gia đình và cộng đồng dân cư thôn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố quản lý.

Quản lý, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án thuộc địa phương quản lý; thực hiện kiểm tra, giám sát; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành liên quan về tiến độ thực hiện dự án và tổ chức sơ kết, tổng kết dự án ở địa phương.

Thực hiện tốt công tác thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư để thut hút nguồn vốn đầu tư cho lâm nghiệp tại các địa phương.

15. Các đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh:

Bảo vệ và phát triển vốn rừng hiện có, khai thác sử dụng rừng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả nguồn tài nguyên được giao quản lý sử dụng.

Triển khai xây dựng và thực hiện phương án quản lý bảo vệ rừng đối với diện tích rừng phòng hộ và đặc dụng, phương án quản lý rừng bền vững đối với diện tích rừng sản xuất.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

PHỤ LỤC:
KẾ HOẠCH
Thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
I	**Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, triển khai thực hiện Chiến lược**					
1	Tuyên truyền, phổ biến nội dung Chiến lược, Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược; tăng cường giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng, pháp luật lâm nghiệp.	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Gia Lai; Báo Gia Lai	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	Hàng năm	
2	Xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược tại địa phương, tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đồng bộ, thống nhất với Kế hoạch thực hiện Chiến lược của UBND tỉnh.	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị thuộc UBND tỉnh và các chủ rừng	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2022	2022-2030	
II	**Thực hiện các chính sách ngành Lâm nghiệp**					
1	Tiếp tục triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện hành; Luật Lâm nghiệp, các văn bản hướng dẫn thi hành luật Lâm nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	Hàng năm	
2	Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về lâm nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	Hàng năm	
3	Nghiên cứu đề xuất xây dựng, triển khai các cơ chế, chính sách mới.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan		Hàng năm	
III	**Xây dựng, triển khai hiệu quả, chất lượng quy hoạch, chương trình, đề án dự án, kế hoạch Phát triển Lâm nghiệp**					
1	Xây dựng, triển khai hiệu quả quy hoạch phát triển kinh tế xã hội 2021-2030, tầm nhìn đến	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên	2021-2022	2021-2030	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	năm 2050.		quan			
2	Xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch cơ cấu lại lĩnh vực lâm nghiệp phù hợp với Chiến lược.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2022	2022-2025	
3	Tiếp tục triển khai hiệu quả các Chương trình, đề án, dự án.					
3.1	Chương trình hành động số 899/CTr-UBND ngày 09/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao độ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2022	2021-2030	
3.2	Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các - bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030 (theo Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và PTNT).	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan		2021-2030	
3.3	Triển khai thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 *"Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị"* thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Theo Kế hoạch triển khai của Ủy ban Dân tộc)	Ban Dân tộc tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan		2021-2025	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3.4	Triển khai hiệu quả các hạng mục nhiệm vụ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030 (theo chương trình của Bộ Nông nghiệp và PTNT)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan		2021-2030	
3.5	Tổ chức triển khai Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2025	
3.6	Dự án Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2022	2022-2030	
3.7	Triển khai Kế hoạch số 695/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 297/QĐ-TTg ngày 18/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016-2030 tại địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan		2021-2030	
3.8	Dự án Đầu tư phát triển rừng bền vững Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh và Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng cho lực lượng kiểm lâm, năng lực quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2021	2022-2025	
3.9	Dự án Kiểm kê rừng tỉnh Gia Lai (theo Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2022	2022-2023	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3.10	Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ bền vững giai đoạn 2021-2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2022	2021-2030	
3.11	Kế hoạch số 2525/KH-UBND ngày 12/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án "Trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025" trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2022	2021-2025	
3.12	Phương án Thí điểm cho thuê môi trường rừng để nuôi trồng, phát triển cây dược liệu; nghiên cứu khoa học và du lịch sinh thái.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2022	2022-2025	
3.13	Dự án tăng cường năng lực quản lý hệ thống khu bảo tồn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Theo Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và PTNT).	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2022	2022-2030	
3.14	Dự án Điều tra, bảo tồn một số loài động, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm, loài ưu tiên theo Nghị quyết 403/NQ-HĐND ngày 21/6/2021 của HĐND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2023	2023-2030	
3.15	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và sản xuất ngành lâm nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2022	2022-2030	
3.16	Đề án Khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2021-2022	2021-2030	
3.17	Các dự án thành phần về Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Gia Lai	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2021	2021-2030	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
IV	**Tổ chức triển khai hiệu quả các lĩnh vực sản xuất Lâm nghiệp**					
1	Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng.					
1.1	Quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên để bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và cung cấp các dịch vụ môi trường rừng; Hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích ngoài lâm nghiệp.	Các chủ rừng, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	Hàng năm	
1.2	Hoàn thành việc giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, bảo đảm tất cả diện tích rừng và đất được quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp phải được giao, cho thuê đến những chủ rừng thực sự.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030	
1.3	Thiết lập hệ thống giám sát và đánh giá tài nguyên rừng; ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý (GIS), công nghệ thông tin trong quản lý ngành lâm nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, có liên quan	Hàng năm	2021-2030	
2	Phát triển rừng					
2.1	Phát triển rừng trồng tập trung cung cấp nguyên liệu, ưu tiên trồng rừng cây bản địa, cây gỗ lớn.	UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chủ rừng và Doanh nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030	
2.2	Đẩy mạnh nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp, ưu tiên phát triển giống được sản xuất từ cây mô, hom để trồng rừng sản xuất.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Tổ chức; cơ quan, đơn vị, có liên quan	Hàng năm	2021-2030	
2.3	Phục hồi rừng tự nhiên bằng các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh	UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chủ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên	Hàng năm	2021-2030	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, nuôi dưỡng và làm giàu rừng	rừng	quan			
2.4	Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng sản xuất theo hướng tối ưu hóa hệ thống sản xuất và chuỗi giá trị lâm sản thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ	UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chủ rừng và Doanh nghiệp	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030	
2.5	Phát triển hệ thống rừng đặc dụng, bảo tồn và phát huy giá trị nguồn gen động thực vật rừng, tài nguyên rừng và đa dạng sinh học; duy trì và nâng cao chất lượng rừng phòng hộ.	Các BQL rừng phòng hộ, đặc dụng	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030	
2.6	Phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ theo hướng sản xuất hàng hóa	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các Tổ chức; cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030	
3	Sử dụng rừng					
3.1	Tiếp tục thực hiện chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên đến năm 2030, không khai thác gỗ từ rừng tự nhiên; sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học, các nguồn gen, loại sinh vật và hệ sinh thái rừng	UBND các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị chủ rừng	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2020	
3.2	Nghiên cứu cơ chế, chính sách để hạn chế khai thác sử dụng gỗ non từ rừng trồng còn ít tuổi, đang trong thời kỳ sinh trưởng mạnh, chuyển hóa sang kinh doanh gỗ lớn , khuyến khích trồng rừng gỗ lớn cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến; đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu cho chế biến gỗ, lâm sản và xuất khẩu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Tổ chức; cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	2022	2022-2030	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
3.3	Phát huy tối đa các dịch vụ lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng để tạo nguồn thu; đẩy mạnh các nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, khai thác các tiềm năng, các dịch vụ mới để tăng nguồn thu, đặc biệt là dịch vụ du lịch sinh thái, các dịch vụ hấp thụ các-bon ...	Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030	
3.4	Đẩy mạnh gây trồng, sử dụng lâm sản ngoài gỗ, tập trung vào các nhóm sản phẩm có thế mạnh, có giá trị kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế của các vùng	UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chủ rừng	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030	
4	Phát triển công nghiệp chế biến, thương mại lâm sản					
4.1	Thúc đẩy, hình thành được những doanh nghiệp lớn, hiện đại mang tầm cỡ khu vực, đủ năng lực về công nghệ và trình độ quản trị để tổ chức sản xuất ra sản phẩm chất lượng, có thương hiệu, sức cạnh tranh cao và tham gia sâu, rộng trong chuỗi giá trị toàn cầu.	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2024-2025	2025-2030	
4.2	Phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ như: thiết bị chế biến gỗ, keo, sơn phủ bề mặt, phụ kiện,...	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2024-2025	2025-2030	
4.3	Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa mẫu mã sản phẩm chế biến phù hợp nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị, liên quan	2022	2022-2030	
4.4	Mở rộng thị trường xuất khẩu gỗ để đảm bảo phát triển ổn định, bền vững	Sở Công Thương	Sở Ngoại vụ, các cơ quan, đơn vị, liên quan	Hàng năm	2021-2030	
4.5	Phát triển sản xuất, chế biến sâu các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ có giá trị, thế mạnh của từng	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2023	2023-2030	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	vùng					
4.6	Phát triển các hình thức thương mại hiện đại, cùng với xây dựng thương hiệu gỗ Việt và sử dụng nguồn gỗ hợp pháp, được cấp chứng chỉ quản lý chuỗi hành trình sản phẩm (CoC) cho các mặt hàng xuất khẩu.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị, liên quan	2023	2022-2030	
V	**Bố trí, huy động các nguồn lực đầu tư phát triển ngành Lâm nghiệp**					
1	Đa dạng nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện Chiến lược, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các tổ chức; cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030	
2	Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn					
2.1	Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho ngành lâm nghiệp theo các cơ chế, chính sách theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn thực hiện Chiến lược	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các tổ chức; cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030	
2.2	Tăng cường vận động, tạo cơ chế huy động các nguồn đầu tư, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước vào lĩnh vực lâm nghiệp, bảo vệ và phát triển rừng; phát triển cây xanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các tổ chức; cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030	
2.3	Tiếp tục nghiên cứu mở rộng các nguồn thu cho ngành lâm nghiệp; khai thác các tiềm năng dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ mới, du lịch sinh thái, dịch vụ hấp thụ các bon,....	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	Các tổ chức; cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030	
VI	**Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và dịch vụ Logistics**					
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đáp ứng					

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	yêu cầu trong phát triển; gắn kết các vùng nguyên liệu, nâng cao hiệu quả sản xuất ngành lâm nghiệp					
1.1	Phát triển hệ thống đường lâm nghiệp gắn kết vùng nguyên liệu quy mô, tập trung với nhà máy chế biến; giảm chi phí vận chuyển, tăng giá trị sản phẩm gỗ.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tải	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030	
1.2	Đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đáp ứng nhu cầu áp dụng máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất lâm nghiệp	UBND các huyện, thị xã, thành phố; Doanh nghiệp.	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hàng năm	2021-2030	
2	Thu hút đầu tư phát triển hạ tầng logistics, kho bãi phục vụ phát triển sản xuất, bảo quản và chế biến lâm sản.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các cơ quan, đơn vị liên quan	2022	2022-2030	
3	Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về cơ giới hóa và chế biến lâm sản	Sở Thông tin và Truyền thông				
4	Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường, đa dạng hóa thị trường nhất là phát triển các thị trường tiềm năng, thị trường mới nổi.	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030	
VII	**Phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ và khuyến lâm**					
1	Tăng cường nghiên cứu; ứng dụng, chuyển giao tiến bộ, khoa học công nghệ					
1.1	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đáp ứng yêu cầu của sản xuất và thị trường, khuyến khích đổi mới, sáng tạo để tạo ra các giá trị và sản phẩm mới, có sự tham gia của các chủ rừng và doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức; các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030	
1.2	Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin	Sở Nông nghiệp và	Các tổ chức; các cơ	Hàng năm	2021-2030	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	trong quản lý và sản xuất ngành lâm nghiệp	Phát triển nông thôn	quan, địa phương, đơn vị liên quan			
1.3	Đẩy mạnh hoạt động các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia đầu tư các công trình, dự án thuộc lĩnh vực lâm nghiệp, bảo vệ và phát triển rừng	Sở Công Thương; các doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030	
2	Xây dựng các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ tập trung một số lĩnh vực ưu tiên trong lâm nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức; các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030	
3	Tăng cường năng lực hệ thống nghiên cứu và khuyến lâm.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các tổ chức; các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030	
VIII	**Tổ chức sản xuất kinh doanh, tăng cường năng lực trong công tác quản lý, đào tạo nguồn nhân lực**					
1	Tăng cường năng lực trong công tác quản lý					
1.1	Năng cao năng lực, hiệu quả quản lý, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý ngành lâm nghiệp tinh gọn, thống nhất, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, chuyên nghiệp.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030	
1.2	Kiện toàn hệ thống kiểm lâm, tăng cường lực lượng kiểm lâm địa bàn và lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030	
1.3	Rà soát, sắp xếp lại, kiện toàn các Ban quản lý rừng phòng hộ theo hướng chuyển giao các Ban quản lý rừng phòng hộ về huyện quản lý	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chủ rừng; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030	
2	Tăng cường năng lực cơ sở đào tạo; phát triển nguồn nhân lực					
2.1	Tăng cường đào tạo nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đủ trình độ tiếp cận công nghệ	Các cơ sở đào tạo ngành Lâm nghiệp	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	hiện đại, để tạo những bước đột phá trong nghiên cứu, chọn, tạo và sản xuất giống, công nghệ sinh học, ứng dụng công nghệ cao trong lâm nghiệp.					
2.2	Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và các tổ chức đào tạo thực hiện hợp tác và hỗ trợ trong đào tạo, nâng cao kỹ năng cho lao động của doanh nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo	các cơ sở đào tạo ngành Lâm nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030	
2.3	Mở rộng các hình thức đào tạo nghề gắn với chuyển giao công nghệ mới, chuyển giao kỹ thuật và quy trình sản xuất mới cho các hộ nông dân.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ sở đào tạo ngành Lâm nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030	
3	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành lâm nghiệp					
3.1	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý ngành lâm nghiệp chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030	
3.2	Tổ chức đào tạo cán bộ nghiên cứu, giảng dạy có trình độ chuyên sâu của một số lĩnh vực quan trọng; đào tạo nghề liên quan đến phát triển, sử dụng rừng, chế biến gỗ và lâm sản.	Sở Nội vụ	Các cơ sở đào tạo ngành Lâm nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030	
3.3	Tăng cường các hình thức đào tạo trong và ngoài nước cho cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu, và cán bộ về phát triển thị trường để tăng cường và bổ sung đội ngũ các nhà doanh nghiệp kinh doanh giỏi	Sở Nội vụ	Các cơ sở đào tạo ngành Lâm nghiệp; các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030	
4	Tổ chức sản xuất kinh doanh					
4.1	Phát triển các hình thức liên kết giữa các thành	Sở Nông nghiệp và	Các cơ quan, đơn vị	Hàng năm	2021-2030	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	phần kinh tế, kinh tế hợp tác, kinh tế chia sẻ trong lâm nghiệp.	Phát triển nông thôn	liên quan			
4.2	Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty lâm nghiệp; phát triển lâm nghiệp hộ gia đình, trang trại, cộng đồng thôn làng và hợp tác xã.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030	
IX	**Tăng cường hợp tác và hội nhập quốc tế**					
1	Tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế về lâm nghiệp; tham gia tích cực và hợp tác chặt chẽ với các tổ chức lâm nghiệp quốc tế, khu vực và song phương về triển khai các chương trình, dự án, hoạt động tăng cường năng lực, chuyển giao, hợp tác trong lĩnh vực lâm nghiệp.	Sở Ngoại vụ	Các tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030	
2	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả, trách nhiệm các thoả thuận đa phương, các cam kết quốc tế liên quan đến lâm nghiệp.	Sở Ngoại vụ	Các tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030	
3	Phát triển thị trường lâm sản, chủ động tham gia chuỗi cung ứng lâm sản toàn cầu; hài hòa các quy định về lâm nghiệp của quốc gia với quốc tế.	Sở Công Thương	Các tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	2021-2030	
X	**Tổ chức giám sát và đánh giá hiệu quả Chiến lược**					
1	Xây dựng, triển khai hệ thống lập kế hoạch và giám sát ngành lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các tổ chức, cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm	Hàng năm	
2	Theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các tổ chức, cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan	Hàng năm	Hàng năm	
3	Định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực	Sở Nông nghiệp và	các cơ quan, tổ chức,	Hàng năm; 5	Hàng năm;	

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian xây dựng, phê duyệt	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	hiện Chiến lược.	Phát triển nông thôn	địa phương liên quan	năm; 10 năm	5 năm; 10 năm	